

Bản án số: **149/2019/HSPT**
Ngày: 23- 05 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo **Hà Văn T** và các bị cáo khác về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vũ C; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 19 - 12 - 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Hà Văn T, sinh năm 1969, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S; Trình độ văn hoá: 12/12; Đoàn thể: Đảng viên ĐCSVN (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Con ông Hà H14 và bà Nguyễn Thị Nh (liệt sĩ); Có Vợ Nguyễn Thị Thiên L12 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2015 đến ngày

22/7/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Anh D, sinh năm 1956, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện S; Đoàn thể: Đảng viên ĐCSVN (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Th1 (Chết) và bà Nguyễn Thị Th2 (Chết); Có vợ Đặng Thị Thu H11 và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2015 đến ngày 08/4/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê Khắc Tâm A, sinh năm 1970, tại tỉnh Bình Trị Thiên (cũ); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên công chức địa chính xã S1; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông Lê Khắc Đ13 (Chết) và bà Võ Thị Ánh M5; Có vợ Võ Thị H15 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Vỹ C, sinh năm 1983, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐN, xã TĐ, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên công chức địa chính xã S2; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu Nh1 và bà Nguyễn Thị L13; Có vợ Nguyễn Thị Thúy V13 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2015 đến ngày 30/9/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Trần Minh V, sinh năm 1986, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn MH, xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên công chức địa chính xã S5; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Trần Tr2 và bà Nguyễn Thị B3; Có vợ Nguyễn Thị Kiều Y và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Ông **Hà Vĩnh P**, Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo Hà Văn T theo yêu cầu của bị cáo và bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Trần Minh V, Nguyễn Vỹ C theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, có mặt.

Bị cáo Nguyễn Vỹ C từ chối luật sư và bị cáo tự bào chữa tại phiên toà.

- Ông **Trần Đức N** – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh D theo yêu cầu của bị cáo, vắng mặt, bị cáo D không yêu cầu luật sư N bào chữa nữa.

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện S; Địa chỉ trụ sở: xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đinh Quang V**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

- Ông **Đinh Văn T1**, sinh năm: 1978; trú tại: Thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn T2**, sinh năm: 1976; trú tại: TĐ 10, Thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn T2: Ông **Nguyễn Trần Đ** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn Đ1**, sinh năm 1967; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn Đ2**, sinh năm 1960; trú tại: Thôn RM1, xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn C1**, sinh năm 1961; trú tại: Thôn HE, xã SM, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn C2**; trú tại: Thôn ĐL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn R** (vợ tên là Đinh Thị M4), sinh năm 1978; trú tại: Thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn R: Ông **Đoàn Nhật N1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn Q**, sinh năm 1964; Trú tại: TĐ 11, thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn Q: Bà **Bùi Thị Thuyết A1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn Đ3**, sinh năm 1979; Trú tại: TĐ 11, thôn ĐD, xã S2,

huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn D2**, sinh năm 1930 (vợ tên là **Đinh Thị X1**); Trú tại: thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn R1**, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn L1**, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn NV, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn N2**, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn N2: Bà **Bùi Thị Thuyết A1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn T3**, sinh năm 1965; Trú tại: thôn NV, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn H**; Trú tại: TĐ 17, thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn G**; Trú tại: thôn ĐD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn G: Ông **Bùi Phú V2** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Gàng.

- Ông **Đinh Văn R2**, sinh năm 1961; Trú tại: xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn Đ4**, sinh năm 1950; Trú tại: TĐ 10, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn Đ4: Bà **Võ Thị H1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn L2**, sinh năm 1973; Trú tại: TĐ 10, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn L2: Ông **Đoàn Nhật N1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn N3**, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn ĐL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn L3**, sinh năm 1981; Trú tại: TĐ 11, thôn NV, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn S3** (Đã chết) ông Sò có vợ tên là **Đinh Thị H2**, sinh năm 1978; Trú tại: TĐ 10, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đinh Thị H2: Ông **Nguyễn Trần Đ** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn K1**, sinh năm 1975; Trú tại: TĐ 10, thôn ĐL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Hồ Thị L4**, sinh năm: 1970; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1966; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Phan Thanh P1**, sinh năm 1969; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc V3**, sinh năm 1974; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc S4**, sinh năm 1973; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Lê Thị L5**; trú tại: Thôn HM, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Lê Ngọc H4** (H4 Em), sinh năm 1974; trú tại: Thôn GR, xã ST, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Ngô Tấn D1**, sinh năm 1977; trú tại: Thôn HE, xã SM, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn H5**, sinh năm 1975; trú tại: Thôn HB, xã SH1, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đỗ Minh Đ5**; sinh năm 1970; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đặng T4**; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà **Đặng Thị Bích T5**, sinh năm 1985; trú tại: Thôn ĐD, xã S2, huyện S,

tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Thu H6**, sinh năm 1969; trú tại: Thôn HM, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Phạm Ngọc M1**; sinh năm 1977; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Võ Khắc A2**, sinh năm 1972; trú tại: Thôn HM xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà **Đỗ Thị Bích L6**, sinh năm 1966; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Tân Ngọc T6**, sinh năm 1971; trú tại: Thôn ĐN, xã TĐ, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Huỳnh T7**, sinh năm 1972; trú tại: Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Phan Trung H7**, sinh năm 1967; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Võ Duy T8**; sinh năm 1967; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Phan Tấn T9**, sinh năm 1969; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn Đ6**; sinh năm 1964; trú tại: Thôn ĐG, xã SH1, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Hữu N4**; sinh năm 1965; trú tại: Xã TG, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn L7**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Cán bộ Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Đinh Thị H8 (Lôn)**, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn DL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đinh Thị H8 (Lôn): Ông Nguyễn Trần Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn X2**; Trú tại: Thôn DL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn X2: Bà Bùi Thị Thuyết A1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước

tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn Đ7**, sinh năm 1963; Trú tại: TĐ 10, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn N5**; Trú tại: TĐ 8, thôn ĐL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Lê Ngọc P2**, sinh năm 1979; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn T10**, sinh năm 1981; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Ngô Đình T11**, sinh năm 1963; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn N6**, Trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn N6: Ông **Bùi Phú V2** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xét xử vắng mặt và có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nhiều.*

- Bà **Đinh Thị Đ8**, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Bà Đinh Thị Đ8: Ông **Bùi Phú V2** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xét xử vắng mặt và có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đèo.*

- Ông **Đinh Văn D3**, sinh năm 1945; Trú tại: thôn DD, xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn B (Bol)**, sinh năm 1975; Trú tại: TĐ 8, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn B (Bol): Bà **Võ Thị H1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.*

- Bà **Võ Thị Hồng N7**, sinh năm 1960; trú tại: Thôn TV, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn D4**, sinh năm 1950; Trú tại: TĐ 10, thôn NL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn D4: Bà **Võ Thị H1*** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn K1**, sinh năm 1978; Trú tại: TĐ 10, thôn ĐL, xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng nghị:

- Ông **Vương Quý T12** – Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn D5** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Lương Minh H9** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Trần Vạn Q1** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn S4** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đỗ Oanh V4** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Vũ Văn T13** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Lê Xuân P3** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Hữu L8** - Cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đ9. Địa chỉ: Thôn RN, xã ST1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đặng Quang T14** – Cán bộ phòng TN & MT huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Tô Văn V5** – Cán bộ phòng NN&PTNT huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Trần Đông P4** – Cán bộ xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Đinh Văn B1** – Cán bộ xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Phạm Hồng K2** – Cán bộ xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Đinh Văn T15** – Cán bộ xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Trương Quang T16** – Cán bộ xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Đinh Thị H10** – Cán bộ xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà **Phạm Thị Ngọc V6** – Cán bộ Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Bùi Thanh V7** – Cán bộ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Viết C3** – Cán bộ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn C4** – Cán bộ Phòng NN&PTNT huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông **Bùi Tấn N9** - Cán bộ phòng TN & MT huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 198 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình tổ chức, chỉ đạo và triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Thủy điện Đ9 khu vực lòng hồ tại các xã S2, S5, S6 huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy biết về điều kiện của cá nhân, hộ gia đình thuộc diện được bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi bị thu hồi được quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; được cụ thể hóa tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; và được thay thế bằng Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đối với việc bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi thu hồi đất cho cá nhân, hộ gia đình phải có đủ điều kiện là họ có hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang trực tiếp canh tác, sản xuất trên đất bị thu hồi.

Tuy nhiên, ông Tô C5, Hà Văn T biết trong khu vực lòng hồ Thủy điện Đ9 có nhiều trường hợp mua bán đất không đúng quy định của pháp luật như: mua bán đất không có giấy tờ hợp pháp; các bên mua bán bằng giấy viết tay hoặc thỏa thuận miệng và không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Nếu đưa tên người nhận chuyển nhượng đất vào phương án bồi thường thì sẽ không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Hà Văn T đề xuất ý kiến khi lập phương án thì đưa tên người đã chuyển nhượng đất vào diện được bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi bị thu hồi (quy về chủ cũ) tại cuộc họp Hội đồng bồi thường có Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND huyện S dự họp (theo lời khai của ông Tô C5, Hà Văn T thì chủ trương quy về chủ cũ đã được Bí thư Huyện ủy Đinh Khả Đ12 và Chủ tịch UBND huyện S ông Phạm Tấn H13 đồng ý). Chủ tịch Hội đồng bồi thường, ông Tô C5 chỉ đạo thực hiện chủ trương này. Các Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Thủy điện Đ9 là Hà Văn T, Nguyễn Anh D trực tiếp triển khai tại các xã S2, S5, S6. Hà Văn T, Nguyễn Anh D (Phó chủ tịch HĐBT), Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A, Trần Minh V (cán bộ địa chính các xã S2, S6, S5) biết rõ chủ trương quy về chủ cũ là xác định không đúng cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng vẫn thực hiện theo chỉ đạo của ông Tô C5, Hà Văn T, Nguyễn Anh D dẫn đến hậu quả làm thiệt hại tài sản của Nhà nước với số tiền **26.265.804.700 đồng**.

Quá trình lập phương án được Hội đồng bồi thường thực hiện như sau:

Ngày 30/7/2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đ9 (bên A) ký Hợp đồng số 01/HĐKT-BTGPMB với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Thủy điện Đ9, huyện S (bên B). Theo đó, bên B có trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, phối hợp với bên A chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện S.

Ngày 16/9/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện S tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng dự án Thủy điện Đ9 địa bàn huyện S.

Ngày 05/10/2010, UBND tỉnh có Công văn số 2905/UBND-CNXD giao UBND huyện S làm chủ đầu tư dự án bồi thường, di dân, tái định cư thuộc dự án Thủy điện Đ9.

Ngày 11/01/2011, UBND huyện S ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn huyện do ông Hà Văn T là Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện làm Chủ tịch Hội đồng; Hội đồng này có trách

nhệm thẩm định các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Thủy điện Đ9 trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

Ngày 08/8/2011, UBND huyện S ban hành Quyết định số 599/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án Thủy điện Đ9 (viết tắt HĐBT) do ông Tô C5, Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, Hà Văn T, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện S, Nguyễn Anh D, Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S và ông Vương Quý T12, Phó giám đốc Công ty CP Thủy điện Đ9 làm Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường; các ủy viên gồm: Nguyễn Văn D5, Trưởng phòng đền bù Công ty CP Thủy điện Đ9; Võ T17, Phạm Thị Ngọc V6, Đinh B2, Nguyễn Văn N8, Đinh Nguyệt N9 và Chủ tịch UBND các xã S2, S5, S6; mời đại diện các hộ gia đình có đất bị thu hồi làm Ủy viên.

Ngày 17/4/2012, ông Tô C5 ký Quyết định số 17/HĐBT-TĐC thành lập Tổ giúp việc HĐBT (Tổ giúp việc) do Hà Văn T làm Tổ trưởng phụ trách 2 xã S2, S5; Nguyễn Anh D, Tổ phó phụ trách xã S1; Nguyễn Văn D5, Tổ phó và các tổ viên gồm: Lương Minh H9, Trần Vạn Q1, Nguyễn Văn S4, Đỗ Oanh V4, Vũ Văn T13 (đều là nhân viên Phòng đền bù Thủy điện Đ9). Tổ giúp việc có nhiệm vụ phối hợp với UBND các xã S2, S6, S5 kiểm kê diện tích các thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc trên các thửa đất sẽ bị thu hồi; lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) khu vực lòng hồ dự án Thủy điện Đ9.

Ngày 04/5/2012, tại Phòng họp số 1 UBND huyện S, Chủ tịch HĐBT ông Tô C5 tổ chức và chủ trì cuộc họp HĐBT, có các Phó Chủ tịch và ủy viên tham gia gồm: Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Nguyễn Văn D5, Lương Minh H9, Trần Vạn Q1, Nguyễn Văn S4, Đỗ Oanh V4, Vũ Văn T13, Đặng Quang T14. Tại cuộc họp này, ông Tô C5 đã triển khai chủ trương của HĐBT là không chấp nhận các trường hợp mua bán đất không đúng quy định của pháp luật về đất đai, không được đưa tên người mua đất (chủ đất mới) vào trong phương án đền bù, hỗ trợ, mà đưa tên người đã bán đất (chủ đất cũ) vào phương án đền bù (gọi là chủ trương “*quy chủ cũ*”). Sau đó, Nguyễn Văn D5 tổ chức họp Phòng đền bù của Công ty cổ phần Thủy điện Đ9 để triển khai, phân công cán bộ thuộc Phòng phối hợp với Tổ công tác ở các xã để triển khai thực hiện chủ trương “*quy chủ cũ*” của Chủ tịch HĐBT. Theo đó các ông Lương Minh H9, Trần Vạn Q1, Nguyễn Văn S4 chịu trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất xã S1; Đỗ Oanh V4, Vũ Văn T13 chịu trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất ở xã S2; sau đó Vũ Văn T13 tham gia cùng Lê Xuân P3 xác minh nguồn gốc đất ở xã S5. Nguyễn Hữu L8 được phân công chịu trách nhiệm tổng hợp, lập phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư các xã

S2, S6 và Vũ Văn T13 được phân công chịu trách nhiệm tổng hợp, lập phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư xã S5.

Hà Văn T phân công Đặng Quang T14, Cán bộ Phòng TNMT; Nguyễn Anh D phân công Tô Văn V5, Cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện có trách nhiệm tham gia phối hợp với tổ giúp việc HĐBT xác minh nguồn gốc đất các xã S5 và S6.

Trong quá trình thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*phương án 2*) không đúng quy định của Nhà nước gây thiệt hại tài sản như sau:

Tại xã S2:

Ngày 07/5/2012, tại UBND xã S2, Hà Văn T tổ chức họp Tổ giúp việc HĐBT và Tổ công tác của xã để triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng; tại cuộc họp này Hà Văn T chỉ đạo thực hiện việc đưa tên người chuyển nhượng đất mà không còn trực tiếp sản xuất, canh tác trên đất vào phương án để được bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (quy chủ cũ).

Sau đó, thành viên Tổ giúp việc được phân công gồm: Vũ Văn T13, Đỗ Oanh V4, Đặng Quang T14 phối hợp với Tổ công tác của UBND xã S2 (chủ yếu do Nguyễn Vỹ C, Đinh Văn T3, Đinh Văn Huyết tham gia thường xuyên) tiến hành kiểm đếm, xác định chủ sử dụng đất là những người có đất đã bán (chủ cũ) theo chỉ đạo của Hà Văn T. Theo đó, Tổ giúp việc đã xác lập 4 loại biểu mẫu theo quy định của Nhà nước:

Biểu 1: Bảng tự kê khai đất và tài sản bị thiệt hại (biểu mẫu này do Tổ giúp việc ghi rồi đưa cho người tự khai (chủ cũ) ký tên hoặc điểm chỉ).

Biểu 2: Kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

Biểu 3: Xác nhận về quyền sử dụng đất để làm cơ sở thu hồi và bồi thường, hỗ trợ.

Biểu 4: Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Với chủ trương quy về chủ cũ:

Hà Văn T đại diện HĐBT đã ký kết quả xác minh về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân là chủ cũ tại biểu 2.

Nguyễn Anh D đại diện HĐBT đã ký Biên bản kiểm kê đất và tài sản bị thiệt hại của hộ gia đình, cá nhân là chủ cũ tại biểu 4.

Nguyễn Vỹ C, Vũ Văn T13, Đặng Quang T14 ký xác nhận là người tham gia kiểm kê tại biên bản kiểm kê đất và tài sản (biểu 4), C còn đại diện Địa chính

xã xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, quyền sử dụng đất là chủ cũ biểu 2, biểu 3 và trực tiếp trình cho ông Trần Đông P4, Chủ tịch hoặc ông Đinh Văn B1, Phó Chủ tịch UBND xã ký xác nhận vào các biểu mẫu 2,3,4.

Ngoài ra, Tổ giúp việc còn đưa cho Trưởng thôn, một số người cùng cư trú và biết rõ căn nguyên, nguồn gốc thửa đất để họ xác nhận (biểu 2).

Tất cả 4 biểu mẫu nêu trên đều ghi và xác nhận người bán đất (chủ cũ) là chủ quản lý, sử dụng các thửa đất đã bán và đang sản xuất ổn định. Đây là cơ sở để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hạng mục lòng hồ xã S2 (phương án 2) dẫn đến gây thiệt hại.

Trong lúc đang triển khai thực hiện phương án bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (phương án 2) thì một số người mua đất như: Bùi Đình T18, Trưởng phòng Lao động TB & XH huyện S, Huỳnh Công V8, Đinh Văn L7 biết được thông tin về chủ trương “*quy chủ cũ*” nên họ đến UBND xã gặp Nguyễn Văn C và lãnh đạo xã S2 nhờ giúp đỡ để họ được đền bù về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Việc này được Hà Văn T đồng ý và tổ chức cuộc họp tại UBND xã vào ngày 25/01/2013, gồm Hà Văn T, Nguyễn Hữu L8, Cán bộ Phòng đền bù, Đặng Quang T14, Cán bộ Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S, Đinh Văn R3, Bí thư Đảng ủy xã S2, Đinh Văn B1, Phó Chủ tịch UBND xã S2, Đinh Văn T3 - Thôn trưởng, Nguyễn Văn C, một số người dân có liên quan và đi đến thống nhất bằng cách xác lập lại biểu mẫu, đưa một số người thân quen của Bùi Đình T18, Huỳnh Công V8, Đinh Văn L7 là chủ mới (người mua) và nhờ một số người đứng tên hộ vào danh sách lập phương án bồi thường thay cho danh sách chủ cũ và những người đứng tên hộ sau khi nhận tiền đền bù, hỗ trợ sẽ giao lại cho họ (người mua). Tài liệu điều tra xác định được 05 người không liên quan gì đến đất, không thuộc diện được bồi thường đã đứng tên hộ kê khai nhận tiền bồi thường đất và tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp gồm: Đinh Xuân T, Đinh Văn Danh, A Tư, Đinh Văn L9, Đinh Văn T3 với tổng diện tích là 11.735,3m², với số tiền 520.762.250 đồng.

Đầu tháng 3/2013, trên cơ sở các biểu 1, 2, 3, 4 đã được xác lập, HĐBT lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Phương án 2) ở xã S2 và tiến hành niêm yết công khai tại UBND xã S2. Lúc này một số người nhận chuyển nhượng đất (người mua) sợ số người chủ cũ nhận tiền bồi thường rồi sẽ không giao lại cho họ nên họ đến nhờ UBND xã can thiệp để họ được nhận tiền bồi thường.

Đồng thời với việc công khai niêm yết phương án tại UBND xã, hồ sơ phương án 2 được HĐBT chuyển đến cho Hội đồng thẩm định (HĐTĐ). Hà Văn T, Chủ tịch HĐTĐ chịu trách nhiệm chỉ đạo chung; các thành viên khác được phân công chịu trách nhiệm thẩm định theo từng lĩnh vực: Phạm Thị Ngọc V6,

Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định về giá vật kiến trúc, cây cối hoa màu và giá đất...; Bùi Thanh V7, Phó trưởng phòng NN &PTNNT thẩm định về quy mô kết cấu Nhà, vật kiến trúc; Nguyễn Viết C3, Phó trưởng phòng LĐ &TBXH thẩm định về lĩnh vực hộ nghèo, chính sách; Nguyễn Văn C4 thẩm định về mật độ cây trồng và các khoản đền bù, hỗ trợ cây cối hoa màu; Bùi Tấn N9, Tổ trưởng tổ giúp việc của HĐTD chịu trách nhiệm thẩm định về diện tích đất, xác định loại đất, vị trí đất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Hà Văn T là Chủ tịch HĐTD phân công các thành viên HĐTD thực hiện việc thẩm định dựa trên các văn bản quy định của Nhà nước tiến hành kiểm tra, đối chiếu với số liệu có trong hồ sơ do HĐBT xác lập gửi đến chứ không kiểm tra thực tế tại hiện trường. Kết quả HĐTD thống nhất với phương án do HĐBT xác lập, trong đó có kết quả thẩm định về diện tích đất, loại đất, vị trí đất, chủ sử dụng đất, đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp do Bùi Tấn N9 chịu trách nhiệm và Nguyên cũng chỉ kiểm tra đối chiếu và thống nhất trên hồ sơ tài liệu chứ không trực tiếp kiểm tra thực tế.

Ngày 10/6/2013, Nguyễn Anh D thay mặt HĐBT ký Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 01/PABT-GPMB và ký tờ trình số 30/TTr-HĐBT-TĐC *“Về việc xin thẩm định phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”* đề nghị HĐTD tiến hành thẩm định (thực tế phương án đã được thẩm định trước đó như đã nêu trên).

Ngày 11/6/2013, Hà Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định và đề nghị UBND huyện phê duyệt Phương án bồi thường do HĐBT lập. Ngày 12/6/2013, ông Tô C5 với chức danh Phó Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định số 1091/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường. Theo đó, vào ngày 18/6/2013, HĐBT tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 76 hộ xã S2 với số tiền 45.192.767.352 đồng (Bốn mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng); trong đó bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là 35.773.684.400 đồng (bồi thường về đất là 10.797.550.700 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là 24.976.133.700 đồng).

Kết quả điều tra có căn cứ xác định: 22 người làm nghề buôn bán; làm cán bộ, không sinh sống và không có hộ khẩu thường trú tại xã S2, không đủ điều kiện được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã S2; 22 người này đã mua 113 thửa đất của người khác, sau khi mua họ không tiếp tục canh tác, không trực tiếp sản xuất trên đất đã mua. HĐBT đã xác lập hồ sơ 113 thửa đất này có xác nhận của UBND xã S2 là đất thuộc quyền sử dụng của 39 người (Trong đó có 05 người đứng tên hộ) những người này không trực tiếp sản xuất trên 113 thửa đất nhưng được HĐBT lập phương án và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi

nghề nghiệp sai quy định gây thiệt hại số tiền **7.620.073.050 đồng** (Bảy tỷ, sáu trăm hai chục triệu, không trăm bảy ba ngàn, không trăm năm chục đồng).

Ngoài ra, còn gây thiệt hại trong việc chi tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức với số tiền 2.043.965.050 đồng, cụ thể:

Ông Đặng T4, ở xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế ông Đặng T4 có các loại đất: Do tự khai hoang: 91.272,8m², gồm đất nông nghiệp 602,1m², đất lâm nghiệp 90.670,7m²; do nhận chuyển nhượng của người khác 93.850,1m², trong đó đất nông nghiệp 25.538,1m², đất lâm nghiệp 68.312,5m². Tổng cộng ông Thêm có: Đất nông nghiệp 26.140,2m²; đất lâm nghiệp 118.312,5m² và được HĐBT đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích này, ông Thêm trực tiếp nhận và những người chuyển nhượng (chủ cũ) đứng tên nhận với tổng số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 2.120.223.550 đồng. Nhưng theo quy định đất nông nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa là 20.000m² và đất lâm nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa là 50.000m². Như vậy, HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức đối với các loại đất của ông Thêm là: đất nông nghiệp vượt 6.140,2m² = 206.191.000đ; đất lâm nghiệp vượt 68.312,5m² = 1.199.927.050 đồng; tổng cộng HĐBT đã chi vượt hạn mức là 1.406.118.050 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu, một trăm mười tám ngàn, không trăm năm mươi đồng).

Bà Đặng Thị Bích T5, ở xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế bà Thúy có 72.863,5m², do nhận chuyển nhượng của người khác trước đó, trong đó đất nông nghiệp 38.224,2m², đất lâm nghiệp 34.638,8m² và được HĐBT đưa vào phương án chi trả hỗ trợ toàn bộ diện tích này cho những người chuyển nhượng (chủ cũ) đứng tên nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp với tổng số tiền là 2.180.204.800 đồng. Theo hạn mức quy định như trên thì HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức đối với đất của bà Thúy là: đất nông nghiệp vượt 18.334,2m² = 637.847.000đ (Sáu trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tổng số tiền thiệt hại tại xã S2 là: 7.620.073.050 đồng + 2.043.965.050 đồng = 9.664.038.100 đồng (Chín tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm ba mươi tám ngàn, một trăm đồng).

Tại xã S1:

Ngày 07/5/2012, tại UBND xã S1, Nguyễn Anh D – Phó Chủ tịch HĐBT, Tổ phó Tổ giúp việc phụ trách xã S1 tổ chức họp với thành phần tham gia họp gồm: Nguyễn Anh D, Tô Văn V5, Đinh Thị H10 – Phó Chủ tịch UBND xã S1, Lê Khắc Tâm A, Trần Vạn Q1, Nguyễn Văn S4, Lương Minh H9 và một số

thành viên khác trong tổ công tác của xã S1. Tại cuộc họp này Nguyễn Anh D đã triển khai và chỉ đạo các thành viên Tổ giúp việc, Tổ công tác của xã thực hiện chủ trương “*quy về chủ cũ*”, đối với đất đã mua bán không đúng quy định để xác lập phương án bồi thường.

Sau đó, thành viên Tổ giúp việc HDBT được phân công gồm: Lương Minh H9, Trần Văn Q1, Nguyễn Văn S4, Tô Văn V5 cùng với Lê Khắc Tâm A, Đinh Văn M3, Đinh Văn Tr, Đinh Văn D6 (Tổ công tác của xã) tiến hành đi thực địa kiểm tra xác minh chủ sử dụng của các thửa đất bị thu hồi. Căn cứ Bảng thống kê diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng đất do Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc địa chính Quảng Ngãi lập, Tổ giúp việc tiến hành xác minh; đối với các thửa đất phát sinh chuyển nhượng (mua bán) Tổ giúp việc đều ghi tên người đã bán đất (chủ cũ) vào bảng thống kê mà không cần biết họ có còn trực tiếp sản xuất, canh tác trên thửa đất đã bán vào thời điểm bị thu hồi hay không. *Lúc này có một số người mua đất (chủ mới) sợ những người chủ cũ đứng tên nhận tiền rồi không đưa lại cho họ nên họ nhờ Lê Khắc Tâm A lập lại hồ sơ thay tên các chủ cũ bằng đưa tên một số người khác không liên quan đến các thửa đất này đứng tên hộ cho họ thay cho tên những người đứng tên hộ và Tâm A đồng ý thực hiện thay tên chủ cũ bằng tên người đứng hộ trong danh sách rồi giao lại cho Tổ giúp việc.*

Tại nhà Lê Khắc Tâm A, Tổ giúp việc (H9, Q, S4) cùng với Tâm A viết các biểu mẫu 1, 2, 3, 4 đưa tên những người đã bán đất và tên người đứng hộ vào danh sách được bồi thường. Vì biết rõ phần nhiều số người được chọn đưa vào danh sách không biết chữ nên các thành viên Tổ giúp việc viết giúp Biểu số 1 (người đang sử dụng đất tự kê khai); Biểu số 2, 3, 4 do tổ giúp việc của Hội đồng bồi thường và Lê Khắc Tâm A viết. Sau khi viết xong các biểu mẫu thì các thành viên Tổ giúp việc đem đến nhà ông Đinh Văn M3 (bí thư chi bộ thôn ĐL) yêu cầu ông M3 thông báo cho người dân có tên trong hồ sơ (bao gồm cả chủ cũ và người đứng tên hộ) đến để nghe đọc nội dung các biểu mẫu và ký tên vào biểu số 1, 4; ông M3 ký tên ở phần đại diện hộ có đất bị thu hồi trong biểu số 4; già làng, trưởng bản (Đinh Văn Đ4, Đinh Văn D7), trưởng thôn ký xác nhận biểu số 2; các thành viên Tổ giúp việc ký vào biểu số 4; Lê Khắc Tâm A ký tên vào biểu số 2, 3, 4, sau đó S4 và Q đem hồ sơ trình cho Đinh Thị H10 - Phó Chủ tịch UBND xã ký tên ở phần đại diện UBND xã ở Biểu số 4; Trương Quang T16 - Phó Chủ tịch UBND xã (được UBND xã phân công làm Tổ trưởng tổ bồi thường xã S1 theo QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 9/11/2012) ký ở Biểu số 2, 3. *Vì có sự điều chỉnh về loại đất, vị trí đất nên biểu mẫu số 2, 3 được chỉnh sửa và trình lãnh đạo UBND xã ký lại nhiều lần theo sự điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi. Đến tháng 12/2012, thì các biểu mẫu 1, 2, 3, 4 được lập xong hoàn chỉnh ở xã, hồ sơ được chuyển cho Hà Văn T ký tên ở phần đại diện Hội*

đồng bồi thường ở biểu số 02, 04. Sự hoàn chỉnh các biểu mẫu này là cơ sở để HĐBT lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Phương án 2) đối với hạng mục lòng hồ tại xã S1.

Ngày 04/9/2013, HĐBT niêm yết công khai tại UBND xã phương án dự kiến bồi thường (Phương án 2). Sau khi niêm yết đã xảy ra tranh chấp giữa người mua đất và người bán đất về số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và họ cùng đến Công an huyện S để giải quyết. Tại đây, họ đã tự thỏa thuận tỷ lệ ăn chia với nhau, tiền bồi thường đất thì người mua đất hưởng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp thì có trường hợp thỏa thuận chia đôi, có trường hợp thỏa thuận người mua hưởng 04 phần, người bán hưởng 06 phần (có biên bản thỏa thuận).

Ngày 13/3/2014, UBND xã S1 tổ chức họp dân có đất bị thu hồi để lấy ý kiến lần cuối. Tại cuộc họp những người dân (khoảng 30 người) có đất bị thu hồi đều thống nhất phương án đã niêm yết và đề nghị Hội đồng bồi thường sớm chi trả tiền cho họ, trường hợp nào còn vướng thì giữ lại. Ngày 19/3/2014, UBND xã S1 có Công văn số 10/UBND gửi Hội đồng bồi thường báo cáo kết quả cuộc họp dân nêu trên.

Ngày 12/5/2014, Trương Quang T16 - Phó Chủ tịch UBND xã S1 ký danh sách 235 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp thuộc phạm vi thu hồi đất tại khu vực lòng hồ gửi Hội đồng bồi thường; trong đó có 59 người (chủ cũ và người đứng tên hộ) không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vì họ không phải là người đang sử dụng đất, không phải là người đang trực tiếp sản xuất trên đất bị thu hồi. Cũng trong ngày 12/5/2014, với chức danh Phó Chủ tịch HĐBT (có Giấy giao nhiệm vụ của ông Tô C5 lập ngày 12/5/2014), Vương Quý T12 ký Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 01/PABT-GPMB; và ký Tờ trình số 27/TTr-HĐBT ngày 13/5/2014 “về việc xin thẩm định phương án bồi thường GPMB” dự án Thủy điện Đ9 hạng mục lòng hồ địa bàn xã S1 đề nghị HĐTD huyện S thẩm định phương án. Việc thẩm định phương án bồi thường cũng được tiến hành giống như ở xã S2.

Ngày 19/5/2014, Hà Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định và đề nghị UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường do HĐBT lập. Trong ngày 19/5/2014, ông Tô C5 ký tờ trình số 30/TTr-HĐBT về việc đề nghị UBND huyện S phê duyệt phương án. Ngày 28/5/2014 ông Lê Văn T19 - Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định số 538/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án.

Kết quả điều tra có căn cứ xác định: 37 người mua đất làm nghề buôn bán; làm cán bộ công chức..., không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Sau khi mua 182 thửa đất của 69 người bán thì hầu hết họ đều không trồng trọt canh tác trên các thửa đất đã mua. Tuy nhiên, khi lập phương án

2 Hội đồng bồi thường đã đưa 11 người bán đất (chủ cũ) vào diện được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 49 thửa đất và đưa 39 người không liên quan đến đất (đứng tên hộ) vào diện được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 133 thửa đất trên cơ sở có sự xác nhận của UBND xã S1; mặc dù HĐBT biết rất rõ những người này không phải là người đang sử dụng đất, họ cũng không phải là người đang trực tiếp canh tác sản xuất trên các thửa đất và hậu quả là Hội đồng bồi thường đã lập phương án trình UBND huyện phê duyệt chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai quy định gây thiệt hại với số tiền **11.261.920.950 đồng**.

Ngoài ra, còn gây thiệt hại trong việc chi tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức tại xã S1 số tiền 627.225.350 đồng.

Ông Huỳnh T7, ở xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế ông Huỳnh T7 có các loại đất: Đất nông nghiệp 12.568m²; đất lâm nghiệp 74.674m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho 08 người (ông T7, 02 người chủ cũ, 05 người đứng tên hộ). Nhưng theo quy định thì HĐBT đã chi trả vượt mức đối với đất ông Thơ khai hoang và đất ông Thơ nhận chuyển nhượng là: Đất lâm nghiệp vượt 24.674m² (74.674m² - 50.000m²) x 24.500 đồng = 604.513.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, năm trăm mười ba ngàn đồng).

Ông Nguyễn Ngọc T20, ở xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế ông Nguyễn Ngọc T20 có các loại đất: Đất nông nghiệp 20.211,3m²; đất lâm nghiệp 50.668,3m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường chi trả hỗ trợ cho 06 người (01 người chủ cũ, 05 người đứng tên hộ). Nhưng theo quy định thì HĐBT đã chi trả vượt mức đối với đất của ông Nguyễn Ngọc T20 là: đất nông nghiệp 211,3m (20.211,3m² - 20.000m²) x 37.500đ = 6.339.000đ; đất lâm nghiệp 668,3m² (50.668,3 m² - 50.000m²) x 24.500đ = 16.373.350đ; tổng cộng đã chi hỗ trợ vượt mức quy định là: 22.712.350 đồng (Hai mươi hai triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng).

Tổng số tiền thiệt hại tại xã S1 là: 11.889.146.300 đồng.

Tại xã S5:

Ngày 20/6/2012, Hà Văn T tổ chức họp tại UBND xã S5, với thành phần gồm: Hà Văn T, Đỗ Oanh V4, Đặng Quang T14 - Cán bộ Phòng Tài nguyên môi trường huyện S, Đinh Văn T15 - Phó Chủ tịch UBND xã S1, Trần Minh V, Đỗ Thanh V9 - Phó Bí thư Đảng ủy xã, Đinh Văn Tr1 - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Đinh Văn Đ10 và một số thành viên khác trong tổ công tác của xã S5. Tại cuộc họp Hà Văn T đã triển khai và chỉ đạo thực hiện chủ trương “*quy về chủ cũ*”.

Tối ngày 20/6/2012, cũng với thành phần nói trên tiếp tục tổ chức họp tại nhà ông Đinh Văn Đ10 - Trưởng thôn RM có sự tham gia của những hộ dân bị ảnh hưởng của dự án Thủy điện Đ9. Đinh Văn T15 - PCT UBND xã và Trần Minh V - cán bộ địa chính xã trực tiếp triển khai thông báo chủ trương quy về chủ cũ của HĐBT để lập phương án đền bù.

Sau đó Đỗ Oanh V4, Đặng Quang T14 cùng với tổ đền bù của xã (Trần Minh V, Đinh Văn N10, Đinh Thị V10, Đinh Văn Đ10, Đinh Văn Tr1) tiến hành xác minh lập danh sách chủ sử dụng đất là những người chủ cũ đưa vào hồ sơ bồi thường. V4, T14 đi đến từng thửa đất, đối chiếu với bản đồ do Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc địa chính Quảng Ngãi (chưa được ký tên, đóng dấu) và hỏi các ông N10, Đ10, Tr1, V10, V để xác định ai là chủ cũ (người đã bán đất) để ghi vào sổ tay rồi T14, V4 viết các biểu mẫu 1, 2, 3, 4 (biểu số 1 các thành viên tổ giúp việc viết giúp vì đa phần người dân không biết chữ rồi đưa cho người dân ký biểu số 01 và biểu số 04); các thành phần có tên trong biểu số 02, 04 (già làng, trưởng thôn, thành viên tổ giúp việc) ký tên rồi đưa cho Trần Minh V - Cán bộ địa chính xã kiểm tra ký xác nhận và trình cho Đinh Văn T15 - Phó Chủ tịch UBND xã S5 ký. Hồ sơ được chuyển cho Nguyễn Anh D ký xác nhận biểu số 04, Hà Văn T ký xác nhận biểu số 02.

Các biểu mẫu 1, 2, 3, 4 đã được lập ghi tên chủ cũ và làm cơ sở để Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Phương án 2) đối với hạng mục lòng hồ xã S5.

Ngày 21/10/2013, Đinh Văn T15 - Phó Chủ tịch UBND xã S5 ký Công văn số 22/UBND về việc lập danh sách 145 hộ gia đình trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp trong khu vực lòng hồ Thủy điện Đ9, *trong đó có 15 người được quy chủ cũ và họ đều là những người không còn trực tiếp sản xuất, canh tác trên các thửa đất đã bán nên không thuộc diện được hỗ trợ.*

Ngày 24/10/2013 HĐTĐ huyện S có Công văn số 214/HĐTĐ gửi UBND xã S5 về việc đề nghị UBND xã kiểm tra xác định lại số hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong danh sách do UBND xã S5 lập ngày 21/10/2013. UBND xã S5 mời các hộ gia đình có liên quan, trưởng thôn, bí thư chi bộ, già làng và những người sống lâu năm tại địa phương họp xét, xác định trong số 145 hộ dân do UBND xã lập danh sách ngày 21/10/2013 thì có 144 hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp chỉ loại 01 hộ (Đặng Phi Hổ). Ngày 30/10/2013 ông Phạm Hồng K2 - Chủ tịch UBND xã S5 ký Công văn số 23/UBND gửi Hội đồng thẩm định về việc xác định hộ gia đình sản xuất nông nghiệp (kèm theo danh sách 144 hộ).

Ngày 06/11/2013 ông Vương Quý T12 ký phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 02/2013/PABT-GPMB và ký tờ trình “về việc xin thẩm định

phương án bồi thường GPMB” dự án Thủy điện Đ9 hạng mục lòng hồ địa bàn xã S5 đề nghị Hội đồng thẩm định của UBND huyện S thẩm định phương án. Việc thẩm định phương án cũng được tiến hành giống như các xã S2, S6.

Ngày 11/11/2013, Hà Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định số 33/BC-TĐPA và đề nghị UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường do HĐBT lập. Ngày 12/11/2013, ông Tô C5 ký Quyết định số 3045/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án.

Qua điều tra, xác định tại xã S5 có 05 người đã mua 29 thửa đất của 15 người bán trước đó; những người mua đất đều là hộ làm nghề buôn bán, giáo viên, lái xe, sửa xe máy... Sau khi mua đất họ không tiếp tục canh tác, sản xuất trên đất; số người bán đất thì sau khi bán đất họ cũng không còn sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất đã bán; do đó cả người mua và người bán đều không đủ điều kiện để được Nhà nước hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề nghiệp. Mặc dù biết rõ như vậy nhưng HĐBT vẫn triển khai chủ trương quy chủ cũ, xác lập hồ sơ để UBND xã xác nhận và HĐBT xây dựng phương án trình UBND huyện phê duyệt chi trả cho 15 người đã bán đất (chủ cũ), không đủ điều kiện, không thuộc diện được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất đã gây thiệt hại số tiền 2.403.894.300 đồng.

Ngoài ra, còn gây thiệt hại trong việc chi tiền chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức tại xã S5 với số tiền 1.391.665.250 đồng, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn Đ6, ở xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế ông Đ6 có các loại đất: Đất nông nghiệp 35.352m²; đất lâm nghiệp 27.212,5m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho 05 người (ông Đ6, 02 người chủ cũ, 02 người đứng tên hộ). Theo quy định thì HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức đối với đất của ông Đ6 là: Đất nông nghiệp vượt 15.352m² (35.352 - 20.000) = 662.692.250 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Hữu N4, ở xã S5, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

Thực tế ông N4 có các loại đất: Đất nông nghiệp 44.299,1 m²; đất lâm nghiệp 7.599,9m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho ông N4 thông qua 3 người (ông N4, 02 người chủ cũ). Theo quy định thì HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức đối với đất của ông Nghĩa là: Đất nông nghiệp vượt 24.299,1m² (44.299,1 - 20.000)x30.000đ = 728.973.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Trong giai đoạn điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra xác định thêm tại xã S5 bà Đặng Thị Thu H11 có mua 05 thửa đất của 04 người là các ông Đinh Văn

L10, Đinh Văn C2, Đinh Thị N11, Đinh Văn Đ11. Tại thời điểm bồi thường, bà Hồng và cả những người chủ cũ bán đất không được hưởng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Nhưng hội đồng bồi thường vẫn lập hồ sơ chi trả cho số tiền 917.060.750 đồng.

Tổng số tiền thiệt hại tại xã S5 là : 2.403.894.300 đồng + 1.391.665.250 đồng + 917.060.750 đồng = 4.712.620.300 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền thiệt hại tại 03 xã S2, S6, S5, là: 9.664.038.100 đồng + 11.889.146.800 đồng + 4.712.620.300 đồng = **26.265.804.700 đồng.**

Kết quả điều tra xác định Công ty Cổ phần Thủy điện Đ9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4300350203 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/7/2011; ông Đinh Ngọc V11 làm Giám đốc. Vốn điều lệ 930.000.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi tỷ đồng); các cổ đông góp vốn gồm: Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí NT; Ngân hàng Đ12; Tổng Công ty Xây dựng và phát triển HT, Tập đoàn SĐ (các cổ đông này đều có phần vốn Nhà nước chiếm trên 50%). Dự án Thủy điện Đ9 do Công ty CP Thủy điện Đ9 làm chủ đầu tư. Vì vậy vốn Nhà nước bị thiệt hại trên 50%.

Sau khi Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung, ngày 25/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 1636/VKS-P3 xác định đối với các trường hợp của các ông Đinh Văn Đ7 có đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 42.070.000 đồng, ông Đinh Văn R2 có đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 101.407.500 đồng, ông Đinh Văn T1 có đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 76.760.000 đồng. Do đó, số tiền thiệt hại xác định lại tại xã S1 là 11.889.146.300 đồng – 101.407.500 đồng – 42.070.000 đồng = 11.745.668.800 đồng; số tiền thiệt hại xác định lại tại xã S5 là 4.712.620.300 đồng – 76.760.000 đồng = 4.635.860.300 đồng.

Tổng cộng số tiền thiệt hại do chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái pháp luật hạng mục lòng hồ Thủy điện Đ9 tại ba xã S1, S5, S2 là 11.745.668.800 đồng + 4.635.860.300 đồng + 9.664.038.100 đồng = 26.045.567.200 đồng.

Về vật chứng: Trước khi khởi tố vụ án hình sự, Công an huyện S có tạm giữ và chuyển giao cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi 10 thẻ tiết kiệm trị giá 4.318.442.250 đồng và 639.000.000 đồng tiền mặt của Đinh Văn R, Đinh Văn Q, Đinh Văn Đ3, Đinh Văn D3, Trần Thị H12, Đinh Văn L3, Đinh Văn D2, Đinh Văn H, Đinh Văn L11, Đinh Văn N2 (là những người bán đất đứng tên nhận tiền bồi thường, hỗ trợ trong phương án 2). Qua điều tra có căn cứ

xác định trong thẻ đứng tên Trần Thị H12 (300 triệu đồng) có khoản tiền 214.629.800 đồng của 03 người (Trần Thị H12, Đỗ Quốc V12, Phạm Văn Nh) là tiền họ được hưởng đúng quy định nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho họ (03 người) số tiền 214.629.800 đồng tiền gốc, 33.738.000 đồng tiền lãi phát sinh và tiếp tục tạm giữ số tiền 98.790.000 đồng (gốc: 85.370.200đ, lãi phát sinh: 13.419.800đ); số thẻ (09 thẻ) còn lại tiếp tục tạm giữ chuyển theo vụ án để xử lý.

Về dân sự: Ngoài khoản tiền đã được Công an huyện S thu giữ nêu trên, trong quá trình tố tụng vụ án đến nay không thu giữ thêm khoản tiền nào khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 19 - 12 - 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

I. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vũ C, Trần Minh V phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 165; các điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án (19/12/2017). Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 165; các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Anh D.

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc Tâm A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án (19/12/2017). Giao bị cáo Lê Khắc Tâm A cho Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 165; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Vỹ C và bị cáo Trần Minh V

II. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự.

Tuyên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền cụ thể như sau:

1. Ông **Đinh Văn T1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 150.247.217 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 90.128.150 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 60.000.000 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 119.067 đồng).

2. Ông **Đinh Văn T2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 135.665.250 đồng.

3. Ông **Đinh Văn Đ1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 275.151.300 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 157.780.300 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 117.363.000 đồng).

4. Ông **Đinh Văn Đ2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 171.028.500 đồng.

5. Ông **Đinh Văn C1** (Chưa) phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 109.562.500 đồng.

6. Ông **Đinh Văn C2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 518.369.950 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 60.000.000 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 458.369.950 đồng).

7. Ông **Đinh Văn R** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 684.053.750 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 680.961.550 đồng, tiền vượt hạn mức là 3.092.250 đồng).

8. Ông **Đinh Văn Q** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 269.482.500 đồng.

9. Ông **Đinh Văn Đ3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 710.151.850 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 690.089.500 đồng, tiền vượt hạn mức là 20.062.350 đồng).

10. Ông **Đinh Ka R4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 161.463.157 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 27.848.950 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 133.614.207 đồng).

11. Ông **Đinh Văn D2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 366.848.578 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 191.325.328 đồng, tiền vượt hạn mức là 175.523.250 đồng).

12. Ông **Đinh Văn R1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 161.238.369 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 156.367.600 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 4.870.769 đồng).

13. Ông **Đinh Văn L1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 151.345.000 đồng.

14. Ông **Đinh Văn N2** còn phải nộp lại số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật là 105.695.450 đồng.

15. Ông **Đinh Văn T3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 8.000.000 đồng.

16. Ông **Đinh Văn H** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 100.000.000 đồng.

17. Ông **Đinh Văn G** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 50.308.564 đồng.

18. Ông **Đinh Văn R2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 350.923.150 đồng.

19. Ông **Đinh Văn Đ4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.000.000 đồng.

20. Ông **Đinh Văn L2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 15.304.229 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 12.000.000 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 3.304.229 đồng).

21. Ông **Đinh Văn N3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 82.000.000 đồng.

22. Ông **Đinh Văn L3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 431.038.300 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp

trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 80.845.100 đồng, tiền vượt hạn mức là 350.193.200 đồng).

23. Bà **Đinh Thị H2** (vợ của ông **Đinh Văn S3**) phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 60.000.000 đồng.

24. Ông **Đinh Văn K1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 50.000.000 đồng.

25. Bà **Hồ Thị L4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 49.535.500 đồng.

26. Bà **Nguyễn Thị H3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 28.712.200 đồng.

27. Ông **Phan Thanh P1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 86.307.500 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 4.025.400 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 60.676.600 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 21.605.500 đồng).

28. Ông **Nguyễn Ngọc V3** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 219.403.600 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 143.549.200 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 75.854.400 đồng).

29. Ông **Nguyễn Ngọc S4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 1.093.114.250 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 1.010.839.850 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 82.274.400 đồng).

30. Ông **Lê Ngọc H4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 131.015.600 đồng.

31. Ông **Ngô Tấn D1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 627.257.950 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 403.382.950 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 223.875.000 đồng).

32. Ông **Nguyễn H5** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 330.046.300 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 117.026.000 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S2 là 213.020.300 đồng).

33. Ông **Đỗ Minh Đ5** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 459.013.600 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy

định của pháp luật tại xã S2 là 120.543.500 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 338.470.100 đồng).

34. Ông **Đặng T4** phải có trách nhiệm nộp lại số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 284.720.993 đồng.

35. Bà **Đặng Thị Bích T5** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 637.847.000 đồng.

36. Bà **Nguyễn Thị Thu H6** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 206.512.000 đồng.

37. Ông **Phạm Ngọc M1** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 1.786.028.225 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 1.295.284.100 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 490.744.125 đồng).

38. Ông **Võ Khắc A2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 708.907.150 đồng.

39. Bà **Đỗ Thị Bích L6** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 351.918.000 đồng.

40. Ông **Tân Ngọc T6** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 167.923.000 đồng.

41. Ông **Huỳnh T7** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 868.180.325 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 263.667.325 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 604.513.000 đồng).

42. Ông **Phan Trung H7** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 139.159.000 đồng.

43. Ông **Võ Duy T8** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 505.214.500 đồng (trong đó tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S1 là 212.280.025 đồng, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật tại xã S5 là 292.934.250 đồng).

44. Ông **Phan Tấn T9** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 691.460.100 đồng.

45. Ông **Nguyễn Văn Đ6** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 354.141.550 đồng.

46. Ông **Nguyễn Hữu N4** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức là 519.216.354 đồng.

47. Ông **Đinh Văn L7**, sinh năm 1980 là Cán bộ Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 220.552.050 đồng.

48. Bà **Đinh Thị H8** (Lôn) phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 22.000.000 đồng.

49. Ông **Đinh Văn X2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 36.000.000 đồng.

50. Ông **Lê Ngọc P2** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 28.197.050 đồng.

51. Ông **Nguyễn Văn T10** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 47.336.100 đồng.

52. Ông **Ngô Đình T11** phải có trách nhiệm nộp lại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 79.999.850 đồng.

III. Về xử lý vật chứng, tài sản: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tiếp tục tạm giữ các sổ tiết kiệm để đảm bảo thi hành án: 01 (một) thẻ tiết kiệm số LA 251279 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 chi nhánh Quảng Ngãi, chủ sở hữu là ông **Đinh Văn D3**, địa chỉ: xã S2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; ngày gửi tiền 25/6/2013; số tiền gửi 800.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, tài sản đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 26/12/2017 bị cáo Hà Văn T có đơn kháng cáo kêu oan.
- Ngày 02/01/2018, bị cáo Nguyễn Anh D có đơn kháng cáo kêu oan.
- Ngày 20/12/2017, bị cáo Nguyễn Vũ C và bị cáo Lê Khắc Tâm A có đơn kháng cáo kêu oan

Trong hạn quy định của pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo bao gồm:

Ông Lê Ngọc H4, bà Nguyễn Thị H3, bà Hồ Thị L4, ông Tân Ngọc T6, ông Ngô Đình T11, ông Nguyễn Văn T10, ông Phan Trung H7, ông Ngô Tấn D1, ông Huỳnh T7, ông Nguyễn H5, ông Nguyễn Ngọc V3, ông Phan Thanh P1, ông Nguyễn Ngọc S4, ông Phạm Ngọc M1, ông Đỗ Minh Đ5, ông Võ Khắc A2, bà Đỗ Thị Bích L6, ông Nguyễn Hữu N4, ông Nguyễn Văn Đ6, ông Đinh Văn R1, ông Đinh Văn R (vợ Đinh Thị M4), bà Nguyễn Thị Thu H6, bà Lê Thị L5, ông Đinh Văn Lận, ông Đinh Văn D2 (vợ Đinh Thị X1), ông Đinh Văn N2, ông Đinh

Văn Q, ông Đinh Văn N3, ông Đinh Văn T3, ông Đinh Văn C1 (Chua), ông Đinh Văn C2, ông **Đinh Văn K1**, ông Đinh Văn L2, bà Đinh Thị H8, ông Đinh Văn Đ4, bà Đinh Thị H2 (vợ ông Đinh Văn S3), ông Đinh Văn T1, ông Đinh Ka R4, ông Đinh Văn L3, ông Đinh Văn H, bà Đặng Thị Bích T5, ông Đinh Văn L7, ông Đinh Văn R2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn Đ2, ông Đinh Văn X2, ông Đặng T4 (vợ Võ Thị Hồng N7), ông Đinh Văn Đ3, ông Võ Duy T8, ông Phan Tấn T9, ông Lê Ngọc P2, ông Nguyễn Văn T10, ông Ngô Đình T11. Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tuyên không buộc trả lại tiền chuyển đổi nghề nghiệp mà họ đã nhận cho nhà nước.

Ông **Đinh Văn D3** kháng cáo về phần xử lý vật chứng, tài sản đối với 01 (một) thẻ tiết kiệm số LA 251279 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 chi nhánh Quảng Ngãi, chủ sở hữu là ông **Đinh Văn D3**.

Bà Đinh Thị Đ8; ông Đinh Văn Đ7; ông Đinh Văn N5; ông Đinh Văn N6; ông Đinh Văn D4; ông Đinh Văn B; ông Đặng T4 và bà Võ Thị Hồng N7 kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giải quyết cho những người này được nhận toàn bộ số tiền bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

- Ngày 02/01/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kháng nghị phúc thẩm số 149/KN-VKS về phần hình phạt, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo hướng: Không áp dụng chế định miễn hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Anh D, Nguyễn Vỹ C, Trần Minh V theo Điều 54 Bộ luật hình sự năm 1999, mà phải áp dụng hình phạt tù theo Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Hà Văn T, Lê Khắc Tâm A trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 (đối với Lê Khắc Tâm A không áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015). Để phân hóa trách nhiệm hình sự, chỉ áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Minh V (là bị cáo có vai trò thấp nhất so với các bị cáo khác) được hưởng án treo.

- Ngày 17/01/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VC2, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy án sơ thẩm để điều tra lại về hành vi: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và hành vi “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” với vai trò đồng phạm đối với các ông, bà sau: ông Vương Quý T12, ông Nguyễn Văn D5, ông Lương Minh H9, ông Trần Vạn Q1, ông Nguyễn Văn S4, ông Đỗ Oanh V4, ông Vũ Văn T13, ông Lê Xuân P3, ông Nguyễn Hữu L8, ông Đặng Quang T14, ông Tô Văn V5, ông Trần Đông P4, ông Đinh Văn B1, ông Phạm Hồng K2, ông

Đinh Văn T15, ông Trương Quang T16, bà Đinh Thị H10, bà Phạm Thị Ngọc V6, ông Bùi Thanh V7, ông Nguyễn Việt C3, ông Nguyễn Văn C4, ông Bùi Tấn N9.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Văn C đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan. Các bị cáo T, D, A, C cho rằng: Các bị cáo khi thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Thủy điện Đ9 theo sự chỉ đạo của Huyện uỷ và UBND huyện S mà cụ thể của ông Đinh Kà Đ12, Bí thư và ông Phạm Tấn H13, Chủ tịch UBND huyện S, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nên các bị cáo không phạm tội. Đồng thời, trong quá trình thực hiện công việc ngoài các bị cáo còn nhiều người khác cùng tham gia kể cả Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND các xã S5, S2, S6 nhưng họ không bị xét xử mà chỉ xét xử các bị cáo là không công bằng nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại cho các bị cáo.

Bị cáo Trần Minh V mặc dù không có kháng cáo nhưng tại phiên toà phúc thẩm cũng cho rằng bị cáo bị oan ức mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì tại nội dung đơn kháng cáo và một số người có mặt tại phiên toà hầu hết đều cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc họ nộp lại số tiền mà họ đã được bồi thường, hỗ trợ để sung vào ngân sách Nhà nước là gây thiệt hại cho họ nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VC2 ngày 17.01.2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ Bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 19.12.2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để điều tra, truy tố và xét xử lại.

Lời bào chữa của luật sư cho các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Trần Minh V cũng như lời bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn C đều cho rằng: Các bị cáo thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện S mà cụ thể là sự chỉ đạo của ông Đinh Kà Đ12, Bí thư và ông Phạm Tấn H13, Chủ tịch UBND huyện S. Do đó, luật sư và bị cáo C thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hầu hết đều thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại. Riêng ông Bùi Phú V2, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

cho ông Đinh Văn G, ông Đinh Văn N6, bà Đinh Thị Đ8 thì tại luận cứ cho rằng hợp đồng chuyển nhượng đất là vô hiệu nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại cho những người này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về phần thủ tục tố tụng:

1.1. Sau khi xét xử sơ thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng nghị nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng như luật sư bào chữa cho các bị cáo và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt những người này. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai những người vắng mặt đều có lời khai tại hồ sơ vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

1.2. Các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vỹ C, Trần Minh V bị truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 165 BLHS có khung hình phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm. Trong giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm, các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vỹ C có nhờ người bào chữa cho các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Minh V các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không chỉ định người bào chữa cho bị cáo là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về phần nội dung:

2.1. Trong quá trình tổ chức, chỉ đạo và triển khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Thủy điện Đ9 khu vực lòng hồ tại các xã S2, S5, S6, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án Thủy điện Đ9 do ông Tô C5, Phó chủ tịch UBND huyện S làm chủ tịch Hội đồng bồi thường; các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D và ông Vương Quý T12 làm phó chủ tịch Hội đồng bồi thường đã lập 2 phương án: Phương án 1 bồi thường cây cối, hoa màu, tài sản trên đất và phương án 2 đưa tên người đã chuyển nhượng đất vào diện được nhận tiền bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi nhà nước thu hồi (phương án quy về chủ cũ). Các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vỹ C, Trần Minh V trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

của mình đã lập, xác nhận và phê duyệt hồ sơ không đúng đã gây thất thoát cho nhà nước theo bản án sơ thẩm quy kết với số tiền 24.263.522.845 đồng.

2.2. Tuy nhiên, các bị cáo Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vũ C, Trần Minh V là những người làm công tác địa chính của xã, cụ thể Lê Khắc Tâm A xã S1, Nguyễn Vũ C xã S2, Trần Minh V xã S5 thì các bị cáo chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi xã của mình phụ trách. Bản án sơ thẩm tại phần nhận định không nêu cụ thể số tiền mà các bị cáo A, C, V phải chịu trách nhiệm bao nhiêu để xem xét mức độ phạm tội của từng bị cáo là không đúng.

2.3. Đối với bị cáo Nguyễn Anh D thì tại công văn số 659/UBND ngày 6.9.2013 của UBND huyện S thể hiện: Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Thủy điện Đ9 không phân công thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Thủy điện Đ9 đối với Nguyễn Anh D – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện – Phó chủ tịch Hội đồng, lý do là có người tham gia mua bán đất đền bù dự án Thủy điện Đ9. Tại lời khai ngày 25.02.2016 của ông Vương Quý T12 thể hiện: Vì ông Nguyễn Anh D có người tham gia bán đất để hưởng tiền đền bù, hỗ trợ trong dự án Thủy điện Đ9. Lúc này ông Tô C5 phân công tôi đại diện Hội đồng bồi thường ký phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hạng mục lòng hồ Thủy điện Đ9 tại 2 xã S1, S5. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương Quý T12 thừa nhận lời khai này là đúng. Như vậy, đối với bị cáo D không có ký xác nhận tại các xã S1, S5 mà 2 xã này do ông Vương Quý T12 ký xác nhận, nhưng buộc bị cáo D chịu tất cả nên cũng cần được xem xét lại cho phù hợp.

2.4. Trong vụ án này, ngoài các bị cáo nói trên còn có những người khác cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ và cũng có dấu hiệu phạm tội cụ thể như sau:

- Đối với ông Nguyễn Văn D5, trưởng phòng đền bù công ty Thủy điện Đ9, là Ủy viên thường trực của Hội đồng bồi thường, các ông Lương Minh H9, Trần Văn Q1, Nguyễn Văn S4, Đỗ Oanh V4, Vũ Văn T13 đều là nhân viên phòng đền bù công ty Thủy điện Đ9, là thành viên tổ giúp việc Hội đồng bồi thường; Lê Xuân P3, Nguyễn Hữu L8 là nhân viên phòng đền bù công ty Thủy điện Đ9; Đặng Quang T14 cán bộ phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện S; Tô Văn V5 cán bộ phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S được Hà Văn T phân công tham gia phối hợp với Tổ giúp việc Hội đồng bồi thường xác minh nguồn gốc đất các xã S5, S2, S6. Nguyễn Văn D5, Lương Minh H9, Trần Văn Q1, Nguyễn Văn S4, Đỗ Oanh V4, Vũ Văn T13, Lê Xuân P3, Nguyễn Hữu L8, Đặng Quang T14, Tô Văn V5 biết việc đưa tên những người không đủ điều kiện vào phương án để họ được hưởng tiền chuyển đổi nghề nghiệp là trái quy

định nhưng vẫn thống nhất thực hiện. Hành vi này có dấu hiệu của tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”

Đối với các ông Trần Đông P4, Đinh Văn B1, Chủ tịch và phó chủ tịch UBND xã S2; các ông Phạm Hồng Kh, Đinh Văn T15, chủ tịch và phó chủ tịch UBND xã S5; ông Trương Quang T16, phó chủ tịch UBND xã S1 được phân công làm Tổ trưởng Tổ bồi thường của xã; bà Đinh Thị H10, phó chủ tịch UBND xã S1 là những người được phân công tham gia Tổ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xã. Theo lời khai của những người nói trên là do giải quyết nhiều công việc, không trực tiếp tham gia kiểm kê, xác minh nhưng lại ký xác nhận kết quả xác minh. Chính việc ký xác nhận của chính quyền địa phương mới có cơ sở để đền bù, hỗ trợ nên hành vi của những người này có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

Đối với ông Bùi Tấn N9 là Tổ trưởng Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định phương án đền bù được Hà Văn T phân công thực hiện việc thẩm định, biết phương án 2 quy về chủ cũ của Hội đồng bồi thường là trái pháp luật nhưng vẫn thẩm định. Hành vi của ông Bùi Tấn N9 nói trên có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Như vậy, ngoài hành vi phạm tội của các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vũ C, Trần Minh V thì còn có hành vi của những người khác như đã phân tích trên cần phải được xem xét đánh giá trong cùng vụ án.

2.5. Tại thông báo kết luận của đồng chí Phạm Tấn H13 – chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp kiểm tra tiến độ thực hiện và xử lý một số vướng mắc về Quy chế phối hợp trong công tác bồi thường, di dân tái định cư, tái định canh dự án Thủy điện Đ9 số 27/TB-UBND ngày 16.4.2012 của UBND huyện S có nêu rõ: ...công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng phải được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đai phải được xác định chủ sở hữu đất theo quy định của nhà nước, các trường hợp chuyển nhượng đất đai không theo quy định của luật Đất đai, tuyệt đối không được đưa vào phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Tại thông báo kết luận của đồng chí Đinh Kà Đ12, Bí thư huyện ủy, Trưởng ban chỉ đạo công tác bồi thường, di dân, tái định cư về tình hình thực hiện công tác bồi thường, di dân tái định cư dự án Thủy điện Đ9 số 03-TB/BCĐ ngày 31.01.2013 của Ban chỉ đạo công tác bồi thường di dân, tái định cư dự án Thủy điện Đ9 do Bí thư kiêm Trưởng ban chỉ đạo ông Đinh Kà Đ12 ký thể hiện: Về diện tích đất quy chủ trong khu vực lòng hồ:

- Nếu đất có giấy đăng ký quyền sử dụng đất thì lấy theo giấy chứng nhận.

- Nếu đất không có giấy đăng ký quyền sử dụng đất và hiện đang tranh chấp thì lấy ý kiến của người dân tại địa phương và người có uy tín trong làng để biểu quyết quy chủ.

Tại văn bản số 292 – CV/HU ngày 18.7.2016 của Huyện uỷ S về việc xem xét đơn khiếu nại của ông Hà Văn T và ông Nguyễn Anh D thể hiện: Một lần nữa Ban Thường vụ Huyện uỷ S khẳng định việc chỉ đạo 2 thông báo trên (số 27 và số 03) là nhằm mục đích để nhân dân bản địa vùng lòng hồ Thủy điện Đ9 được hưởng lợi số tiền Nhà nước ưu đãi hỗ trợ 2,5 lần để chuyển đổi nghề nghiệp. Vì thực tế mua bán không theo một hành lang pháp luật nào cả. Vì vậy, 2 thông báo trên là chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tại lời khai ngày 07/7/2017 của ông Đinh Cà Đ12 thể hiện: Do tại phiên toà tôi chưa hiểu hết hàm ý câu hỏi của luật sư, của Hội đồng xét xử nên có lúc khai chưa nhất quán về nội dung đã khai tại Toà nên có lúc tôi khai: Xuất phát từ việc người đồng bào chỉ có tư liệu sản xuất duy nhất là đất nhưng bị tư thương mua hết đất, họ không còn gì để sống nên làm gì thì làm phải hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho những người đã bán đất tại khu vực lòng hồ. Chủ trương của Ban chỉ đạo là quy chủ để người dân không còn đất được hưởng lợi chuyển đổi nghề nghiệp 2,5 lần. Có lúc tôi khai chủ trương quy chủ tức là quy cho người đang trực tiếp sản xuất, sử dụng trên đất được hưởng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Có lúc lại khai chủ trương quy chủ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, lời khai của ông Đinh Cà Đ12 không nhất quán, trong khi đó các bị cáo luôn kêu oan cho rằng chủ trương quy về chủ cũ để bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là theo sự chỉ đạo của Bí thư Huyện uỷ S ông Đinh Cà Đ12 và chủ tịch UBND huyện S ông Phạm Tấn H13. Thế nhưng, trong quá trình điều tra chưa tiến hành đối chất để làm rõ. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đều yêu cầu xin được đối chất với ông Đinh Cà Đ12 và ông Phạm Tấn H13 để làm rõ chủ trương trên. Xét yêu cầu của các bị cáo là chính đáng, vì có liên quan đến trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên chấp nhận. Đồng thời, trong quá trình điều tra lại nếu việc chỉ đạo không đúng thì cũng được xử lý theo quy định của pháp luật.

2.6. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện UBND huyện S khai rằng: Hiện nay trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cũng thực hiện chủ trương “Quy về chủ cũ”.

3. Từ những chứng cứ đã được phân tích trên, Hội đồng xét xử Toà án cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, quan điểm đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 19.12.2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại.

4. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần kháng nghị không đề nghị xem xét trách nhiệm đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Quý T12, bà Phạm Thị Ngọc V6, ông Bùi Thanh V7, ông Nguyễn Viết C3, ông Nguyễn Văn C4. Xét ông Vương Quý T12 là Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường, trực tiếp ký xác nhận tại 2 xã S1 và S5. Còn bà Phạm Thị Ngọc V6, ông Bùi Thanh V7, ông Nguyễn Viết C3, ông Nguyễn Văn C4 là những người thực hiện việc thẩm định nên khi điều tra lại nếu có dấu hiệu phạm tội thì cũng được xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

5. Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên nội dung kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Hội đồng xét xử chưa xem xét. Các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vỹ C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nộp, cụ thể được nêu tại phần quyết định của bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 355, khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 358, Khoản 1 Điều 360 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VC2 ngày 17.01.2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 19.12.2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại.

2. Về án phí: Các bị cáo Hà Văn T, Nguyễn Anh D, Lê Khắc Tâm A, Nguyễn Vỹ C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án mỗi người 300.000 đồng gồm các ông, bà sau: Nguyễn H5 tại biên lai số 010409 ngày 21.02.2018; Huỳnh T7, Đinh Văn R, Đinh Văn X2, Đinh Văn R1, Đinh Thị H2, Đinh Văn Đ4, Đinh Thị H8, Đinh Văn H, Đinh Ka R4, Đinh Văn Đ3, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 tại biên lai từ số 010410 đến số 010421 cùng ngày 23.02.2018; Đinh Văn Đ2, Tân Ngọc T6 tại biên lai số 010423, số 010424 cùng ngày 26.02.2018; Phạm Thanh P6 tại biên lai số 010425 ngày 27.02.2018; Lê Ngọc H4, Ngô Tấn D, Nguyễn Ngọc V3, Nguyễn Ngọc S4 tại biên lai từ số 010427 đến số 010430 cùng ngày 02.03.2018; Nguyễn Thị H3, Hồ Thị L4, Đỗ Minh Đ5, Võ Khắc A2, Đỗ Thị Bích L6, Nguyễn Thị Thu H6, Lê Thị L5, Đinh Văn L7, Ngô Đình T11, Phan Trung H7, Phạm Ngọc M1, Đinh Văn L2 tại biên lai từ số 010431 đến số 010442 cùng ngày 05.03.2018; Đinh Văn N3, **Đinh Văn K1**, Đinh Văn T1 tại biên lai từ số 010448 đến số 010450; Đinh Văn T2 tại biên lai số 0002765 ngày 07.05.2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT, P. HSNV-CA tỉnh Quảng Ngãi.
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm